

## BÀI THỰC TẬP D4 - KỲ I, LỚP ĐA KHOA (NĂM HỌC: 2011 – 2012)

Học phần: I Số tổ: 24

Địa điểm: Phòng TT số 1, 2 Thời gian: Từ 26/09/2011

Bài	Nội dung	TLTK/CBPT
1. Dung dịch thuốc	1. Dung dịch nhỏ tai cloramphenicol 5 % (20 ml) 2. Dung dịch sát khuẩn povidon - iod 10% (50 ml): PVP - iod 5,00 g Natri lauryl sulfat 0,01 g Natri dihydrophosphat 0,07 g Natri citrat 0,02 g Glycerin 0,50 g Dung dịch NaOH 10% hoặc HCl 10% vđ pH = 4,0 – 4,5 Nước tinh khiết vđ 50 ml	TTBC, tr. 41
2. Dung dịch thuốc – Siro thuốc	1. Dung dịch dầu xoa (20 g): Menthol 14,50 g Methyl salicylat 30,00 g Camphor 2,00 g Tinh dầu quế 2,00 g Clorophyl 0,02 g Dầu parafin vđ 100,00 g 2. Siro bromhexin (50 ml): Bromhexin hydroclorid 0,08 g Glycerin 20,00 g Natri benzoat 0,20 g Acid tartaric 0,40 g Sorbitol (dd 70 %) 45,00 g Natri carboxymethylcellulose 0,20 g Chất thơm, chất màu vđ Nước tinh khiết vđ 100 ml	
3. Siro thuốc - Elixir	1. Elixir paracetamol dùng cho trẻ em (50 ml) 2. Siro dextromethorphan hydrobromid (mỗi sinh viên pha 50 ml, lọc qua cột lọc thô, đóng bằng máy đóng dung dịch, kiểm tra bán thành phẩm: pH, tỷ trọng): Dextromethorphan hydrobromid 0,15 g Natri benzoat 0,13 g Acid citric 0,05 g Natri citrat 0,13 g Glucose 30,00 g Vanilin 0,02 g Nước tinh khiết vđ 50 ml	TTBC, tr. 57
4. Hỗn dịch thuốc	1. Hỗn dịch terpin hydrat (75 ml) 2. Công thức 13: Acid salicylic 1,0 g Long não 1,0 g Luu huỳnh kết tủa 3,0 g Tween 80 3,0 g Aerosil 0,5 g Natri carboxy methyl cellulose 0,3 g Glycerin 10,0 g Ethanol 96% 20,0 g Nước tinh khiết vừa đủ 100 ml (Thay chất gây thắm: còn bỏ hờn)	TTBC, tr. 97 TTBC, tr. 97

<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TLTK/CBPT</b>
5. Nhũ tương thuốc	1. Nhũ tương dầu parafin (50 ml): tính toán được lượng chất nhũ hoá; dùng máy siêu âm để phân tán. 2. Nhũ tương nhỏ mắt indomethacin (100 ml): Indomethacin 0,05 g Triglycerid mạch trung bình 5,00 g Tween 80 3,00 g Span 80 1,50 g Acid boric 0,50 g Natri borat 0,25 g Thủy ngân phenyl borat 0,002 g Glycerin 5,00 g Nước cất để pha thuốc tiêm vđ 100 ml	TTBC, tr. 104
6. Thuốc tiêm – Thuốc nhỏ mắt	1. Thuốc tiêm lidocain hydroclorid 2% (2 nhóm × 200 ml, đóng ống 2 ml) 2. Thuốc nhỏ mắt cloramphenicol 0,4% (50 ml)	TTBC, tr. 73 TTBC, tr. 71
7. Thuốc tiêm - Thuốc nhỏ mắt	1. Thuốc tiêm vitamin C 10% (4 nhóm × 200 ml, đóng ống 5 ml) Acid ascorbic 20,00 g Natri clorid 1,10 g Propylen glycol 20 ml Dinatri edetat 0,04 g Rongalite 0,20 g Natri hydroxyd 4,60 g (vđ pH = 6,2~6,5) Nước cất pha tiêm vđ 200 ml 2. Thuốc nhỏ mắt neomycin - dexamethason (100 ml): Neomycin sulfat 700 000 IU (1 mg ~ 700 IU) (1,00 g) Dexamethason natri phosphat 0,05 g Acid citric 0,27 g Natri hydroxyd 0,16 g Natri clorid 0,60 g Thiomersal 0,01 g Nước cất để pha thuốc tiêm vđ pH = 5,5 – 7,0 100 ml	TTBC, tr. 72
8. Thuốc tiêm truyền	1. Dung dịch tiêm truyền natri hydrocarbonat 1,4% (2 nhóm × 3 l) 2. Dung dịch tiêm truyền paracetamol 1% (6 nhóm × 100 ml): Paracetamol 1,00 g Propylen glycol 0,80 g Acid citric 0,03 g Natri citrat 0,20 g Natri clorid 0,60 g Natri metabisulfit 0,05 g Dung dịch NaOH 10% hoặc HCl 10% vđ pH = (5,3 – 5,6) Nước cất để pha thuốc tiêm vđ 100 ml	TTBC, tr. 75
9. Potio – Thuốc xịt mũi	1. Potio - đơn số 3 2. Thuốc xịt mũi naphazolin 0,05% (50 ml): Naphazolin nitrat 0,05 g Acid citric 0,27 g Natri hydroxyd 0,15 g Natri clorid 0,60 g Thiomersal 0,01 g HPMC E6 0,10 g	TTBC, tr. 58

<b>Bài</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TLTK/CBPT</b>
	Nước tinh khiết vđ pH = 6,0 – 7,0	100 ml